

UBND HUYỆN TIỀN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC HÙNG THẮNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế,
Kỳ II-Năm học 2023-2024**

1. Chất lượng giáo dục

[illegible]

7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		596	150	67					129	65	1	1			158	84	1				159	95				1
Hoàn thành		192	51	17	1	1		4	40	9				3	53	17				3	48	12				
Chưa hoàn thành																										
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		619	151	68					131	65	1	1			160	87					177	101				1
Hoàn thành		169	50	16	1	1		4	38	9				3	51	14	1			3	30	6				
Chưa hoàn thành																										
9. Hoạt động trải nghiệm	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		599	156	70					123	60	1	1			158	83					162	95				1
Hoàn thành		188	44	14	1	1		3	46	14				3	53	18	1			3	45	12				
Chưa hoàn thành		1	1					1																		
10. Giáo dục thể chất	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		604	158	70					125	62	1	1			160	84					161	95				1
Hoàn thành		184	43	14	1	1		4	44	12				3	51	17	1			3	46	12				
Chưa hoàn thành																										
11. TH-CN (Công nghệ)	41	418													211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		327													162	88					165	93				1
Hoàn thành		91													49	13	1			3	42	14				
Chưa hoàn thành																										
12. TH-CN (Tin học)	45	418													211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		332													164	86	1				168	96				1
Hoàn thành		86													47	15				3	39	11				
Chưa hoàn thành																										
13. Ngoại ngữ	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành tốt		575	144	64					115	60	1	1			161	84					155	88				1
Hoàn thành		209	54	20	1	1		2	54	14				3	49	17	1			3	52	19				
Chưa hoàn thành		4	3					2							1											
14. Tiếng dân tộc																										
Hoàn thành tốt																										
Hoàn thành																										
Chưa hoàn thành																										
II. Năng lực cốt lõi																										
Năng lực chung																										
Tự chủ và tự học	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		571	144	64					120	61	1	1			148	80					159	91				1
Đạt		210	55	20	1	1		2	47	13				3	63	21	1			3	45	14				
Cần cố gắng		7	2					2	2												3	2				
Giao tiếp và hợp tác	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		603	148	64					122	60	1	1			165	88				1	168	97				1
Đạt		183	51	20	1	1		2	47	14				3	46	13	1			2	39	10				

Cần cố gắng		2	2				2																		
Giải quyết vấn đề và	78	788	201	84	1	1	4	169	74	1	1		3	211	101	1		3	207	107					1
Tốt		553	144	64				114	60	1	1			141	76				154	89					1
Đạt		227	54	20	1	1	2	53	14				3	70	25	1		3	50	16					
Cần cố gắng		8	3				2	2											3	2					
Năng lực đặc thù																									
Ngôn ngữ	78	788	201	84	1	1	4	169	74	1	1		3	211	101	1		3	207	107					1
Tốt		596	149	66				122	61	1	1			160	85				165	95					1
Đạt		186	49	18	1	1	2	45	13				3	50	16	1		3	42	12					
Cần cố gắng		6	3				2	2						1											
Tính toán	78	788	201	84	1	1	4	169	74	1	1		3	211	101	1		3	207	107					1
Tốt		581	145	62				121	57	1	1			154	82			1	161	89					1
Đạt		200	54	22	1	1	2	46	17				3	57	19	1		2	43	16					
Cần cố gắng		7	2				2	2											3	2					
Tin học	41	418												211	101	1		3	207	107					1
Tốt		340												160	87				180	98					1
Đạt		78												51	14	1		3	27	9					
Cần cố gắng																									
Công nghệ	41	418												211	101	1		3	207	107					1
Tốt		328												162	89				166	93					1
Đạt		90												49	12	1		3	41	14					
Cần cố gắng																									
Khoa học	78	788	201	84	1	1	4	169	74	1	1		3	211	101	1		3	207	107					1
Tốt		595	148	65				116	58	1	1			160	84			1	171	95					1
Đạt		191	51	19	1	1	2	53	16				3	51	17	1		2	36	12					
Cần cố gắng		2	2				2																		
Thâm mĩ	78	788	201	84	1	1	4	169	74	1	1		3	211	101	1		3	207	107					1
Tốt		601	148	67				120	62	1	1			173	94			1	160	95					1
Đạt		186	52	17	1	1	3	49	12				3	38	7	1		2	47	12					
Cần cố gắng		1	1				1																		
Thế chất	78	788	201	84	1	1	4	169	74	1	1		3	211	101	1		3	207	107					1
Tốt		620	153	68				129	68	1	1			174	93				164	96					1
Đạt		167	47	16	1	1	3	40	6				3	37	8	1		3	43	11					
Cần cố gắng		1	1				1																		
III. Phẩm chất chủ yếu																									
Yêu nước	78	788	201	84	1	1	4	169	74	1	1		3	211	101	1		3	207	107					1
Tốt		732	189	79			1	145	69	1	1		1	192	95			2	206	106					1
Đạt		56	12	5	1	1	3	24	5				2	19	6	1		1	1	1					
Cần cố gắng																									
Nhân ái	78	788	201	84	1	1	4	169	74	1	1		3	211	101	1		3	207	107					1
Tốt		713	172	75				142	69	1	1		1	202	101			2	197	105					1

Đạt		74	28	9	1	1		3	27	5				2	9		1			1	10	2				
Cần cố gắng		1	1					1																		
Chăm chỉ	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		581	148	68					124	64	1	1			152	87					157	91				1
Đạt		202	51	16	1	1		2	45	10				3	58	14	1			3	48	14				
Cần cố gắng		5	2					2							1						2	2				
Trung thực	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		675	167	74				1	138	67	1	1		1	194	98				2	176	96				1
Đạt		112	33	10	1	1		2	31	7				2	17	3	1			1	31	11				
Cần cố gắng		1	1					1																		
Trách nhiệm	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Tốt		626	154	71					131	63	1	1		1	174	93				1	167	96				1
Đạt		161	46	13	1	1		3	38	11				2	37	8	1			2	40	11				
Cần cố gắng		1	1					1																		
IV. Đánh giá KQGL	78	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
- Hoàn thành xuất		148	36	20					34	20					35	21					43	29				
- Hoàn thành tốt		340	97	40					70	34	1	1			89	47					84	46				1
- Hoàn thành		289	64	24	1	1		2	63	20				3	85	33	1			3	77	30				
- Chưa hoàn thành		11	4					2	2						2						3	2				
V. Khen thưởng		491	108	55					114	62	1	1			131	74					138	84				1
- Giấy khen cấp trường		408	91	45					97	53	1	1			106	61					114	67				1
- Giấy khen cấp trên		83	17	10					17	9					25	13					24	17				
VI. HSDT được trợ giảng																										
VII. HS.K.Tật		11	4	1				4	3					3	3	1				3	1					1
VIII. HS bỏ học kỳ II																										
+ Hoàn cảnh GDKK																										
+ KK trong học tập																										
+ Xa trường, đi lại K.khẩn																										
+ Thiên tai, dịch bệnh																										
+ Nguyên nhân khác																										
IX. Chương trình I	788	788	201	84	1	1		4	169	74	1	1		3	211	101	1			3	207	107				1
Hoàn thành	777	777	197	84	1	1		2	167	74	1	1		3	209	101	1			3	204	105				1
Chưa hoàn thành	11	11	4					2	2						2						3	2				

Hùng Thắng, ngày 31... tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

